CÂU HỎI:

Những khác biệt và mâu thuẫn trong 4 Phúc Âm.

Trước hết, ta biết rằng tác gỉa của 4 Phúc Âm đều vô danh cho tới cuối thế kỷ thứ nhất mới thấy tên tác gỉa của những cuốn thánh kinh này (WP). Những cuốn sách này không được viết ra do mắt thấy tai nghe nhưng chỉ do truyền khẩu như trong lời mở đầu của Phúc âm Luca (Lk:1 :1-4) và được viết bằng tiếng Hy Lạp, thứ ngôn ngữ mà chỉ giới trí thức mới am tường. Nhân cách và hành động của Đức Kitô trong phúc âm Gioan (Jn) khác hẳn với Đức Kitô trong phúc âm nhất lãm gồm Mat-cô (Mk), Luca (Lk) và Mat-thêu (Mt).

TRẢ LỜI:

Không biết người đưa ra câu này ra có ý gì ?

Có thể nói rằng câu trên không hẳn là một câu hỏi cần được trả lời. Nó gần với một nhận xét, trình bày những ‘khám phá mới’ về các quan điểm liên quan đến Phúc Âm, mang tính học thuật, có nghĩa là thuần túy khoa học VỀ Phúc Âm, chứ không phải là Phúc Âm (Lời Chúa) để sống Đạo. Nếu là một nhận xét thì việc trả lời là thừa, vì tác giả của nó đã nghiên cứu và nói với vẻ tự tin vào Wikipedia ‘Ta biết rằng ...’

Việc trả lời một câu có tính cách ‘lập lờ nước đôi’ (doublespeak) như thế này không biết có cần thiết hay không.

Do đó, để trả lời ngắn gọn thì có thể đặt hai câu hỏi sau đây:

- Điều này có ảnh hưởng quan trọng đến Đức Tin không ?
- Có ảnh hưởng quan trọng đến sứ điệp của bốn Phúc Âm không ?

Và câu trả lời cho cả hai là KHÔNG. Tất nhiên, câu trả lời này cũng KHÔNG HẲN NẰM TRONG PHÚC ÂM, mà nằm ở những kiến thức thông thường trong xã hội, không cần nghiên cứu Thánh Kinh mới biết được câu trả lời.

Tuy nhiên, cũng có thể thấy câu trên phản ánh một băn khoăn thầm kín. Những gì người này mới đọc được ở đâu đó: Phúc Âm bị ‘vô danh’, ‘do truyền khẩu’ mà thành, ‘viết bằng tiếng Hy Lạp’ khó hiểu, v.v... khác biệt với kiến thức trước kia của người này. Điều này có thể khiến cho người này hoang mang về Đức Tin, nhưng lại không đủ khiêm tốn để hỏi, mà cũng không đủ giỏi để phân biệt các ý kiến hay giả thuyết khoa học khác nhau.

Thật ra những vấn đề được nêu trên đây đã được trình bày trong rất nhiều sách vở, và được giảng dạy một cách bài bản trong các lớp học từ thấp đến cao, trong các môi trường của các giáo hội cũng như của giới học thuật. Chỉ riêng phần bàn luận về các Phúc Âm thì AI cho biết hiện nay có đến khoảng gần 3.000 cuốn bằng những thứ tiếng như Anh, Đức, Pháp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, v.v... Điều này cho thấy có một ‘rừng thông tin’ khiến cho một số người bối rối, vào rồi không biết đường ra.

Do đó, phần giải thích sau đây là cách trả lời đơn giản cho những người không có thời gian để đọc sách, hay không có những cơ hội được học một cách có hệ thống.

Cũng lưu ý thêm là thống kê của Society of Biblical Literature cho thấy hiện nay số học giả về Tân Ước có tỷ lệ về tôn giáo như sau: 50%-60% Tin Lành và những giáo hội Kitô khác, 10%-20% Công Giáo, 15%-25% không tôn giáo hoặc vô thần, và 10% Do Thái Giáo, v.v... Như thế, khi nhìn trên khu kệ sách nghiên cứu Tân Ước của một thư viện đại học thì 80%-90% là do những học giả không Công Giáo viết, với nhiều quan điểm và giả thuyết khoa học khác nhau. Có thể tôn giáo của các nhà khoa học này không quan trọng, nhưng vấn đề là chúng ta muốn học hỏi về khoa học Thánh Kinh hay về Lời Chúa cứu độ ?

Muốn học hỏi về khoa học Thánh Kinh thì chúng ta phải đi theo con đường khoa học, học hành có bài bản, bằng cấp, còn nếu không thì 'dở thầy, dở thợ'. Còn nếu muốn học hỏi Lời Chúa thì chúng ta phải đi theo con đường Đức Tin. Tất nhiên, các khám phá khoa học có thể hỗ trợ cho việc học hỏi Lời Chúa, nhưng 'không thầy đố mày làm nên'. Hãy theo sự hướng dẫn của Giáo Hội: Truyền thống – Thánh Kinh – Huấn quyền là những cột trụ giúp chúng ta hiểu Thánh Kinh đúng tinh thần Mạc Khải.

Để thuận tiện cho việc giải thích, xin chia câu hỏi trên thành bốn phần nhỏ:

1. **Bốn Phúc Âm đều vô danh cho tới cuối thế kỷ thứ nhất mới thấy tên tác giả của những cuốn thánh kinh này.**

Người nói câu này đặt niềm tin vào Wikipedia, nhưng có lẽ không biết rằng Wikipedia là một diễn đàn thông tin mở, gồm nhiều tác giả với ý kiến rất đa dạng, ai cũng có thể hiệu đính. Do đó khi đọc Wikipedia thì phải tìm hiểu nhiều khía cạnh khác nhau, chứ không phải chỉ dựa vào một thông tin. Ví dụ sau đây cho thấy Wikipedia trình bày cả hai luồng ý kiến:

-Những học giả sau đây là những người tiêu biểu PHẢN ĐỐI quan điểm 'Phúc Âm vô danh':

- **Brant Pitre:** Trong cuốn *The Case for Jesus: The Biblical and Historical Evidence* (2016), ông lập luận rằng giả thuyết các Phúc Âm vô danh gần như không có cơ sở, vì không tồn tại các bản thảo Phúc Âm cổ nào được biết đến mà không có tiêu đề.

  https://en.wikipedia.org/wiki/Brant_Pitre

- **Craig L. Blomberg:** Tác giả *The Historical Reliability of the Gospels*, người đã bảo vệ quan điểm về tác giả truyền thống trước các ý kiến học thuật hiện đại cho rằng các Phúc Âm là vô danh.

  https://en.wikipedia.org/wiki/Craig_Blomberg

- **Richard Bauckham:** Tác giả *Jesus and the Eyewitnesses*, lập luận rằng các Phúc Âm dựa trên lời chứng của nhân chứng trực tiếp, và tên tác giả đã được các cộng đồng Kitô giáo đầu tiên biết đến.

  https://en.wikipedia.org/wiki/Richard_Bauckham

- **Simon Gathercole:** Học giả tại Cambridge (UK), cho rằng bằng chứng bản thảo cho thấy các tác giả là những người đã được biết đến, chứ không phải vô danh.

  https://en.wikipedia.org/wiki/Simon_J._Gathercole

- **Craig S. Keener:** Lập luận rằng các Phúc Âm là những tiểu sử cổ đại, và các tác giả của chúng được biết rõ trong các cộng đồng Kitô giáo thời kỳ đầu.

  https://en.wikipedia.org/wiki/Craig_S._Keener

Tóm tắt quan điểm của trường phái 'Phúc Âm không vô danh':

- Bản thảo cổ đều có tiêu đề: Không có bản thảo Phúc Âm cổ nào không có tên.
- Truyền thống Hội Thánh sớm thống nhất: Các giáo phụ (Papias, Irenaeus...) đều gán cùng một tác giả, không có truyền thống cạnh tranh.
- Tên ít "hấp dẫn": Nếu bịa, người ta sẽ chọn Phêrô hay Giacôbê, không phải Mark hoặc Luke (nhân vật phụ).
- Thể loại tiểu sử cổ (bios): Tiểu sử cổ thường không ghi tên tác giả trong nội dung nhưng vẫn có tác giả được biết đến.
- Dấu hiệu nhân chứng: Một số chi tiết cụ thể, tên riêng, địa lý chính xác → gợi nguồn nhân chứng.

Kết luận của trường phái này: Các Phúc Âm không tự ghi tên trong văn bản, nhưng tác giả vẫn được biết đến từ rất sớm và không phải là ẩn danh thật sự.

-Những học giả này là những người tiêu biểu ỦNG HỘ quan điểm "Phúc Âm vô danh":

- **Bart D. Ehrman:** Một học giả Tân Ước nổi bật, người phổ biến rộng rãi lập luận rằng các Phúc Âm được viết 'ẩn danh', và sau đó mới được ghi danh.

  https://en.wikipedia.org/wiki/Bart_D._Ehrman

- **Kurt Aland:** Một nhà phê bình văn bản đáng chú ý, người lập luận rằng "không còn nghi ngờ gì nữa, tất cả các Phúc Âm đều được xuất bản vô danh".

https://en.wikipedia.org/wiki/Kurt_Aland

- **Michael Wolter và Francis Watson:** Được nhắc đến như những nhân vật hàng đầu trong nghiên cứu Phúc Âm hiện nay, những người giữ quan điểm rằng các Phúc Âm là vô danh.

  https://en.wikipedia.org/wiki/Francis_Watson_(theologian)

- **Rudolf Bultmann:** Một nhà phê bình hình thức (form critic) thế kỷ 20, người cùng với những học giả khác lập luận rằng các truyền thống truyền khẩu ban đầu mang tính linh hoạt và vô danh trước khi được biên soạn lại.

  https://en.wikipedia.org/wiki/Rudolf_Bultmann

Tóm tắt quan điểm của trường phái 'Phúc Âm vô danh':

- Không ghi tên trong nội dung: Bốn Phúc Âm không tự xưng "tôi là Máthêu/Mácô/Luca/Gioan".
- Tiêu đề xuất hiện muộn: Các tiêu đề "Theo Máthêu…" có thể được thêm vào khi các sách bắt đầu được sưu tập (cuối thế kỷ II).
- Văn phong gián tiếp: Tác giả kể chuyện ở ngôi thứ ba, giống biên soạn truyền thống cộng đồng hơn là hồi ký cá nhân.
- Khác biệt giữa các Phúc Âm: Chi tiết, thứ tự, và lời nói khác nhau → cho thấy nhiều nguồn truyền khẩu và biên tập.
- Khoảng cách thời gian: Được viết sau sự kiện khoảng 35–70 năm → khó là nhân chứng trực tiếp.

Kết luận của trường phái này: Các Phúc Âm ban đầu không nêu tên tác giả; tên truyền thống được gán sau.

Như thế, Wikipedia là một diễn đàn rất rộng và rất phong phú với nhiều ý kiến khác nhau. AI cho biết hiện nay có khoảng chừng 1000 đường dẫn (mục từ) về vấn đề Phúc Âm. Tính trung mỗi đường dẫn chỉ cần trích dẫn khoảng từ 2-3 cuốn sách thì lượng kiến thức sẽ khổng lồ. Nếu mỗi đường dẫn, ví dụ đường dẫn về Gospel dưới đây nếu in ra sẽ khoảng 15 trang A4, vậy thì tổng số trang giấy về vấn đề Phúc Âm trong Wikipedia sẽ khoảng 15 ngàn trang (tương đương với độ dầy của khoảng 10 cuốn Thánh Kinh toàn tập), và số lượng này còn tiếp tục tăng lên theo thời gian. Tất nhiên, đây chỉ là một ví dụ cho thấy sự thận trọng cần thiết phải có khi trích dẫn thông tin từ Wikipedia. Nếu thấy có thông tin A trên một đường dẫn nào đó của Wikipedia, thì sẽ có thông tin B, C, D, E, F, cùng chiều, trái chiều, chéo chiều, trung dung, v.v... ở các đường dẫn khác.

Nếu phân tích, lý luận những thông tin về vấn đề 'vô danh' của các Phúc Âm trên Wikipedia nói riêng, và trên mạng lưới điện toán toàn cầu nói chung, chúng ta sẽ thấy đây là những tranh luận trong giới học thuật. Chính xác mà nói các học giả

dùng nhiều thuật ngữ không dễ hiểu cho người ngoài cuộc. Cách Wikipedia trình bày các ý kiến cũng không phải lúc nào cũng dễ hiểu.

Ví dụ xin trích vài câu trong: https://en.wikipedia.org/wiki/Gospel

"Phúc Âm Marcô có lẽ có niên đại khoảng năm 70 sau Công nguyên; Matthêu và Luca khoảng năm 80–90; còn Gioan khoảng năm 90–100. Điều này khiến việc biên soạn của chúng có khả năng **diễn ra trong thời gian nhiều nhân chứng trực tiếp vẫn còn sống, bao gồm cả gia đình của chính Đức Giêsu**.

Mặc dù có những quy gán truyền thống, cả bốn đều là vô danh, điều vốn phổ biến đối với thể loại *bios* (tiểu sử) thời đó; các tiểu sử của Plutarch và Suetonius ban đầu cũng vô danh. Người ta nhìn chung đồng ý rằng chúng không phải là các tường thuật của nhân chứng trực tiếp, dù **điều này có thể một phần là kết quả của những giả định đáng nghi của phương pháp phê bình hình thức**."

Như vậy chỉ trong một đoạn văn ngắn mà đã có hai ý kiến khác nhau. Nay mai có thể có người hiệu đính lại có thêm ý kiến khác nữa không chừng.

Xin phân tích để thấy đoạn này để thấy có hai thông tin khác nhau:

- **Ý kiến 1:** "Phúc Âm Marcô có lẽ có niên đại khoảng năm 70 sau Công nguyên; Matthêu và Luca khoảng năm 80–90; còn Gioan khoảng năm 90–100. Điều này khiến việc biên soạn của chúng có khả năng **diễn ra trong thời gian nhiều nhân chứng trực tiếp vẫn còn sống, bao gồm cả gia đình của chính Đức Giêsu**."

Ý kiến 1 này là một suy luận dựa trên quy luật tự nhiên, chứ không thấy trích dẫn các nguồn sử liệu, hay truyền thống của Giáo Hội cho thấy tên tuổi của những '**nhân chứng trực tiếp vẫn còn sống, bao gồm cả gia đình của chính Đức Giêsu'**. Ý kiến này nói 'có khả năng' (= likely), tức xác suất cao, từ 50% trở lên. Nếu suy luận dựa trên ý kiến này thì vì các chứng nhân thế hệ đầu tiên còn sống, có lẽ họ biết các tác giả, hay 'tổng biên tập' của các Phúc Âm, tuy không nói tên ra, hay cho tên vào văn bản Phúc Âm.

- **Ý kiến 2:** "Mặc dù có những quy gán truyền thống, cả bốn đều là vô danh, điều vốn phổ biến đối với thể loại bios (tiểu sử) thời đó; các tiểu sử của Plutarch và Suetonius ban đầu cũng vô danh. Người ta nhìn chung đồng ý rằng chúng không phải là các tường thuật của nhân chứng trực tiếp, dù **điều này có thể một phần là kết quả của những giả định đáng nghi của phương pháp phê bình hình thức.**"

Ý kiến 2 là một suy luận dựa trên bối cảnh xã hội thời đó: việc các Phúc Âm vô danh không có gì lạ, vì các tiểu sử hồi đó cũng vô danh. Ý kiến này cho rằng đa số những người theo **'những giả định đáng nghi của phương pháp phê bình hình thức'** cho rằng các Phúc Âm **'không phải là các tường thuật của nhân chứng trực tiếp'**. Ý kiến này nghe có vẻ khác, nhưng không mâu thuẫn với ý kiến 1, vì ý kiến 1 cũng không nói Phúc Âm là các tường thuật của các nhân chứng trực tiếp, mà chỉ nói '**việc biên soạn của chúng có khả năng diễn ra trong thời gian nhiều nhân chứng trực tiếp vẫn còn sống ...'**. Suy luận dựa trên ý kiến 2 này thì thấy chuyện Phúc Âm vô danh là bình thường, và chuyện người ta cho rằng các Phúc Âm vô danh xuất phát từ **'những giả định đáng nghi của phương pháp phê bình hình thức'**, nghĩa là không đáng tin lắm.

Tóm tắt một cách nhẹ nhàng thì https://en.wikipedia.org/wiki/Gospel không khẳng định một cách chắc chắn là các Phúc Âm vô danh, mà có thiên hướng về việc các cộng đoàn 'biết' tác giả của các Phúc Âm vì việc biên soạn diễn ra khi nhiều nhân chứng trực tiếp còn sống. Việc không ghi tên tác giả ngay từ đầu là phổ biến vào thời đó.

Vậy tại sao '**tới cuối thế kỷ thứ nhất mới thấy tên tác giả của những cuốn thánh kinh này'** ?

Chúng ta chưa có câu trả lời thỏa đáng. Xin tạm dùng lý luận của Bart Ehrman. Ông không dùng những thuật ngữ như '**vô danh nội tại'** (internally anonymous) hoặc **'vô danh về mặt hình thức'** (formally anonymous) mà một số học giả thường dùng để mô tả tình trạng ban đầu của các Phúc Âm. Các thuật ngữ này không phủ nhận sự tồn tại của tác giả Phúc Âm, mà chỉ muốn nói rằng trong chính văn bản Phúc Âm không có ghi tên tác giả.

Bart Ehrman lập luận rằng:

- "Các sách lịch sử của Kinh Thánh Hebrew (Giô-suê, Các Thủ Lãnh, 1 và 2 Samuên, 1 và 2 Các Vua, 1 và 2 Sử Ký) đều vô danh. Chúng kể lại lịch sử của dân Chúa, không dựa trên thẩm quyền của tác giả, mà là một tường thuật thánh về cách Thiên Chúa hành động giữa dân Ngài. Tên của các tác giả không quan trọng và không liên quan trong loại lịch sử thánh này. Mácô tiếp tục lịch sử thánh ấy, và giống như những người tiền nhiệm, ông kể câu chuyện của mình một cách ẩn danh. Máthêu và Luca, thậm chí cả Gioan, cũng làm theo những cách riêng của họ, và vì thế cũng thuật lại lịch sử thánh của mình nơi con người Đức Giêsu một cách ẩn danh. Tôi không nghĩ việc họ không tiết lộ tên mình là điều đáng ngạc nhiên."

-Khi Mácô, Máthêu hay Luca viết các Phúc Âm, họ không cảm thấy cần phải nêu tên tác giả, vì vào thời điểm đó chưa có nhiều Phúc Âm cạnh tranh. Lý do về sau xuất hiện nhiều tác phẩm mang danh "Phúc Âm", khiến tình trạng thật giả lẫn lộn, nên Giáo Hội sơ khai mới dần xác định và khẳng định tên các tác giả truyền thống để phân biệt và bảo đảm tính thẩm quyền.

https://ehrmanblog.org/why-are-the-gospels-anonymous/

Nói một cách đơn giản, "vô danh" ở đây là một thuật ngữ mang tính chuyên môn trong nghiên cứu học thuật. Nó cần được đặt đúng trong bối cảnh và phương pháp của giới nghiên cứu Kinh Thánh, nếu không, sẽ dễ hiểu sai lệch ý nghĩa ban đầu, có thể dẫn đến cảm giác 'khủng hoảng Đức Tin.'

Do đó, khi đọc Wikipedia để lấy thông tin thì phải có khả năng thẩm định những thông tin đó có xác thực không. Để có khả năng này thì tất nhiên phải có một trình độ nào đó về phân tích, lý luận, hay về khoa học Thánh Kinh.

Nếu tham gia vào cuộc tranh luận mang tính chất học thuật này thì sẽ không có hồi kết. Vậy chúng ta sẽ tìm hiểu bối cảnh lịch sử và thực tế xã hội xem việc có tên sớm hay có tên muộn có ảnh hưởng gì đến nội dung Phúc Âm hay không:

Một công trình văn chương, khoa học, luật pháp, tôn giáo, v.v... thường được đánh giá bởi (1) tác giả, (2) nội dung, và (3) sức ảnh hưởng hay tác dụng của công trình đó. Trong ba yếu tố này thì có lẽ "tác giả" là yếu tố kém quan trọng nhất. Điều này không có nghĩa là tác giả hoàn toàn không quan trọng, nhưng trong nhiều trường hợp, chính nội dung và tác động của công trình mới là điều quyết định giá trị của nó trong lịch sử.

Trong thực tế, rất nhiều công trình xuất hiện trong xã hội và phục vụ cho xã hội lại mang tính "vô danh" (hoặc tập thể). Những công trình như vậy không vì vô danh mà kém giá trị; ngược lại, đôi khi chính tính vô danh còn cho thấy đây là kết quả của kinh nghiệm chung, của truyền thống sống động, và của cả một cộng đồng. Điều quan trọng không phải là ai viết, mà là công trình đó nói gì và đã ảnh hưởng thế nào.

Một ví dụ quen thuộc trong thời đại ngày nay là Wikipedia. Hàng triệu mục từ trên đó được viết bởi vô số người tham gia. Người ta không xác định ai là "tác giả" của từng mục từ, vì nội dung luôn được chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện qua thời gian. Tuy nhiên, sự 'vô danh' này không làm cho Wikipedia mất giá trị. Ngược lại, chính sự cộng tác của nhiều người, qua nhiều thời điểm, đã giúp hình thành một kho thông tin đa dạng, có sức ảnh hưởng toàn cầu.

Một ví dụ khác là bộ luật Hồng Đức của Việt Nam. Bộ luật này được biên soạn qua nhiều đời, với sự tham gia của nhiều quan lại, học giả và cơ quan triều đình. Vua Lê Thánh Tông thường được nhắc đến như người hoàn chỉnh và ban hành bộ luật, nhưng nội dung của nó là kết quả của cả một truyền thống pháp lý. Vì thế, "Luật Hồng Đức" chỉ là tên gọi thuận tiện, chứ không phải là tác phẩm cá nhân của một người. Giá trị của bộ luật không nằm ở tên người ban hành, mà ở hệ thống quy định cụ thể đã ảnh hưởng lâu dài đến đời sống xã hội.

Hoặc bản hiến pháp Hoa Kỳ, một bản hiến pháp quốc gia được viết thành văn và được pháp điển hóa lâu đời nhất, vẫn còn hiệu lực trên thế giới, đã bắt đầu bằng câu "Chúng tôi nhân dân Hiệp Chủng Quốc ...'. Những người ký tên chỉ là đại diện cho tập thể, nhưng hiến pháp Hoa Kỳ lại được diễn giải, bổ sung và thực thi thông qua một khối lượng lớn luật hiến pháp liên bang. Tầm vóc của hiến pháp Hoa Kỳ đã vượt ra khỏi ranh giới quốc gia, ảnh hưởng đến hiến pháp của nhiều quốc gia khác.

Từ những ví dụ trên, có thể hiểu rằng việc bốn Phúc Âm ban đầu không ghi tên tác giả không phải là điều bất thường, và không có nghĩa là không có tác giả. Ngược lại, điều này phù hợp với bối cảnh của các cộng đoàn Kitô hữu sơ khai, nơi mà Đức Tin được sống, chia sẻ, và được diễn tả bằng kinh nghiệm tập thể.

a. **Bốn sách Phúc Âm phát sinh từ đời sống đức tin** của các cộng đoàn Kitô hữu sơ khai, được nuôi dưỡng bởi lời rao giảng của các Tông Đồ và môn đệ — những người đã trực tiếp nghe và thấy Đức Giêsu giảng dạy. Trong số các chứng nhân tiên khởi ấy, Đức Maria giữ một vai trò đặc biệt, cùng với những người đã tin vào Đức Giêsu qua lời chứng của các Tông Đồ.

Trong niềm tin vào Thiên Chúa được thừa hưởng từ Cựu Ước, trong niềm vui của Đức Kitô Phục Sinh, và dưới sự linh hứng của Chúa Thánh Thần, các cộng đoàn này đã suy niệm, cầu nguyện và sống những điều họ đã nghe và thấy. Chính tiến trình đó đã hình thành nên kho tàng Đức Tin sống động của Giáo Hội thời sơ khai.

Sách Công Vụ Tông Đồ mô tả đời sống của cộng đoàn đầu tiên như sau: “Các tín hữu chuyên cần nghe các Tông Đồ giảng dạy, hiệp thông với nhau, siêng năng tham dự lễ bẻ bánh, và cầu nguyện không ngừng” (Cv 2,42). Đoạn văn này cho thấy Đức Tin được truyền đạt trước hết bằng đời sống cộng đoàn. Những điều được nghe từ các Tông Đồ trở thành lời cầu nguyện, trở thành cách sống, rồi dần dần trở thành ký ức chung.

Đức Tin này không phải là một hệ thống lý thuyết trừu tượng. Nó được sống trong hoàn cảnh cụ thể: những cuộc gặp gỡ, những buổi cầu nguyện, những lần cử hành bẻ bánh, những khi bị bách hại, và cả những cuộc chia tay vì phải rời bỏ quê hương. Những kinh nghiệm đó được kể lại nhiều lần, được suy niệm trong cộng đoàn, và dần dần trở thành truyền thống sống.

Có thể hình dung một nhóm tín hữu tụ họp tại một căn nhà nhỏ. Họ kể lại cho nhau nghe những điều đã xảy ra: một người nhớ lại dụ ngôn Người Samari nhân hậu (Lc 10,25-37), người khác nhắc đến phép lạ hóa bánh ra nhiều (Mc 6,30-44), người khác nữa kể về cuộc khổ nạn (Mt 26–27). Mỗi lần kể lại, câu chuyện có thể được diễn đạt khác nhau, nhưng nội dung cốt lõi vẫn được giữ. Qua thời gian, những câu chuyện này trở thành phần thiết yếu trong đời sống cầu nguyện của họ.

Những cộng đoàn này cũng phải trả giá cho Đức Tin của mình. Chúa Giêsu đã báo trước: “Người ta sẽ nộp anh em cho các hội đồng, đánh đập anh em trong các hội đường… Anh em sẽ bị mọi người thù ghét vì danh Thầy” (Mc 13,9.13). Những lời này đã trở thành hiện thực trong đời sống các tín hữu đầu tiên. Nhiều người phải rời bỏ quê hương, nhiều người bị bắt bớ, thậm chí bị giết. Trong hoàn cảnh đó, việc ghi lại những ký ức về Chúa Giêsu trở thành nhu cầu tự nhiên. Không phải để viết sử theo nghĩa hiện đại, mà để bảo tồn ký ức sống động giúp họ tiếp tục sống Đức Tin.

Thế hệ con cái của họ và những người qua họ mà tin vào Phúc Âm đã làm cho các cộng đoàn được lớn mạnh ở khắp nơi. Khi các cộng đoàn trải rộng, nhu cầu có những bản văn để đọc chung, để cầu nguyện chung, càng trở nên rõ rệt. Chính trong bối cảnh này mà các bản văn Tân Ước, trong đó quan trọng là những bản văn Phúc Âm, dần dần được hình thành.

b. Cộng đoàn nào, truyền thống nào khi phát triển đến một mức nào đó thì sớm muộn phải có danh xưng. Do đó, tên của các vị lãnh đạo, hay có uy tín trong cộng đoàn, đã được dùng cho bốn truyền thống mà ngày nay chúng ta gọi là Phúc Âm **THEO** Thánh Máthêu, Mácô, Luca, và Gioan.

Điều này cũng giống như trong đời sống thường ngày. Một trường học có thể được gọi theo tên người thành lập. Một dòng tu có thể mang tên hoặc tinh thần vị sáng lập. Một học thuyết có thể gắn với tên của người có ảnh hưởng lớn nhất trong việc truyền bá. Tên gọi này không có nghĩa là người đó thực hiện tất cả từ A đến Z, nhưng giúp xác định danh tính.

Theo cách đó, các Phúc Âm được gắn với tên của những nhân vật có uy tín trong cộng đoàn. Điều này giúp phân biệt các truyền thống khác nhau, đồng thời giúp người đọc hiểu rằng nội dung được đặt trong mối liên hệ với chứng tá và lời rao giảng của các vị này.

c. Tên của thánh Máthêu, Mácô, Luca, và Gioan không làm cho bốn Phúc Âm thêm sức nặng hay giá trị trường tồn. Những tên này cho thấy tính tông truyền trong lời giảng dạy và trong việc dẫn dắt các cộng đoàn Đức Tin. Điều quan trọng chính là nội dung chuyển tải qua bốn Phúc Âm đó, và ảnh hưởng của bốn Phúc Âm đó từ ngày ra đời cho đến nay.

Bốn Phúc Âm đã ảnh hưởng đến nghệ thuật, văn học, luật pháp, triết học, và đời sống xã hội. Những hình ảnh như người con hoang đàng (Lc 15,11-32), người mục tử nhân lành (Ga 10,11), hạt giống rơi vào đất tốt (Mt 13,1-23)… đã trở thành biểu tượng văn hóa.

Trong hội họa, vô số tác phẩm lấy cảm hứng từ các Phúc Âm: Bữa Tiệc Ly (Lc 22,14-20), Chúa Giêsu chịu đóng đinh (Ga 19), Đức Mẹ bồng con (Lc 2,1-20)… Trong âm nhạc, nhiều bản thánh ca dựa trên nội dung Phúc Âm. Trong văn học, nhiều tác giả đã sử dụng hình ảnh và ngôn ngữ của Phúc Âm.

Nếu xét về số lượng tín hữu, thì ảnh hưởng càng rõ rệt hơn. Hàng tỷ người trên thế giới, qua nhiều thế kỷ, đã đọc, nghe, và sống theo tinh thần những bản văn này. Điều đó cho thấy giá trị của bốn Phúc Âm không nằm ở việc tên tác giả, mà ở sức sống của nội dung.

d. Phúc Âm Gioan là trường hợp đặc biệt. Tuy không không xưng tên cụ thể, nhưng có cách nói ngầm để biết tác giả: ‘người môn đệ Chúa yêu’ (Ga 20,2). Cách nói này (Illeism) xuất hiện trong các văn bản cổ cũng như hiện đại.

https://en.wikipedia.org/wiki/Illeism

Vì vậy, vấn đề không phải là có tên từ đầu hay sau này, mà là cộng đoàn có biết chính xác tác giả hay không. Dựa trên các thủ bản (chẳng hạn P66 và P75), và không có sự cạnh tranh, tức là gán bản văn này cho một tác giả khác, khiến cho việc xác định được Gioan là tác giả không quá khó khăn.

https://en.wikipedia.org/wiki/Gospel_of_John

2. Bốn Phúc Âm không được viết ra do mắt thấy tai nghe nhưng chỉ do truyền khẩu như trong lời mở đầu của Phúc Âm Luca (Lk 1,1-4).

+Trước tiên, Đức Giêsu không viết một dòng một chữ nào trong Tân Ước theo nghĩa đen của chữ *viết*. Hơn nữa, Người cũng không bảo các môn đệ hãy viết sách cho người ta đọc, mà hãy đi DẠY BẢO, LOAN BÁO, RAO GIẢNG, KÊU GỌI, ... nói chung là **TRUYỀN KHẨU**:

Máthêu 28, 19-20: “Vậy anh em hãy đi và làm cho muôn dân trở thành môn đệ, làm phép rửa cho họ nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, DẠY BẢO họ tuân giữ mọi điều Thầy đã truyền cho anh em. Và đây, Thầy ở cùng anh em mọi ngày cho đến tận thế.”

Mácô 16, 15: Người nói với các ông: “Anh em hãy đi khắp tứ phương thiên hạ, LOAN BÁO Tin Mừng cho mọi loài thụ tạo”

Luca 24, 47: “Phải nhân danh Người mà RAO GIẢNG cho muôn dân, bắt đầu từ Giêrus-lem, KÊU GỌI họ sám hối để được ơn tha tội.”

Gioan 20, 21-23: “...‘Như Chúa Cha đã sai Thầy, thì Thầy cũng sai anh em.’ Nói xong, Người thổi hơi vào các ông và bảo: ‘Anh em hãy nhận lấy Thánh Thần. Anh em THA TỘI cho ai, thì người ấy được tha ...’ ”

Như vậy, truyền khẩu không phải là một hoàn cảnh, mà là một LỆNH TRUYỀN của Chúa Giêsu, nên Giáo Hội tiếp tục tuân giữ LỆNH TRUYỀN này cho đến ngày tận thế.

Hơn nữa, truyền khẩu không chỉ có nghĩa là người này nghe người kia, mà trong bối cảnh là một LỆNH TRUYỀN của Chúa Giêsu, truyền khẩu còn là chính lời rao giảng của các Tông Đồ.

+Câu Hỏi: Thế tại sao những bản văn Tân Ước, đặc biệt là Phúc Âm, lại ra đời ?

Trả lời: Các bản văn Tân Ước, đặc biệt là các Phúc Âm, ra đời để đáp ứng nhu cầu của Giáo Hội sơ khai trong những hoàn cảnh lịch sử cụ thể, bằng cách ghi lại truyền thống về Đức Giêsu Kitô.

Nói cách nôm na: Chính nhu cầu của các cộng đoàn Kitô hữu tiên khởi trong những hoàn cảnh lịch sử cụ thể đã thúc đẩy việc hình thành các bản văn Tân Ước, đặc biệt là các Phúc Âm.

Thánh Luca viết: “Thưa ngài Thêôphilô đáng kính, đã có nhiều người ra công soạn bản tường thuật những sự việc đã được thực hiện giữa chúng ta… Tôi cũng vậy, sau khi đã cẩn thận tra cứu đầu đuôi mọi sự, thì thiết tưởng cũng nên tuần tự viết ra” (Lc 1,1-3). Câu này cho thấy Luca dựa trên nhiều ‘bản tường thuật’ chứ không chỉ có ‘truyền khẩu’.

Tuy nhiên, nếu từ việc tác giả Luca ‘tra cứu đầu đuôi mọi sự’ mà suy ra các tác giả khác cũng giống hệt như vậy thì đúng là ‘râu ông nọ cắm cằm bà kia’. Hãy đọc:

Gioan 21,24: “Chính môn đệ này làm chứng về những điều đó và đã viết ra. Chúng tôi biết rằng lời chứng của người ấy là xác thực.”

+Người ta dễ nghĩ rằng khi một số các thừa sai đi truyền giáo thì mang theo sách Phúc Âm, đọc cho dân chúng nghe, giảng giải cho họ, và ai tin thì theo đạo. Có thể dùng biểu đồ đơn giản sau để diễn tả:

Sách Phúc Âm → giảng giải → hình thành cộng đoàn tín hữu

Tuy nhiên, đối với Giáo Hội thời sơ khai thì quá trình đó đi ngược lại. Khi bị bách hại, các Tông Đồ, môn đệ, và tín hữu bỏ chạy tứ tán, mang theo những ký ức về Đức Tin của họ. Đến vùng đất mới, họ chia sẻ cho nhau những điều đã nghe, đã thấy, đã tin. Những câu chuyện được kể lại, được suy niệm, được cầu nguyện. Khi nhu cầu bảo tồn tăng lên, họ mới bắt đầu viết xuống.

Do đó, biểu đồ đơn giản sẽ là:

Cộng đoàn tín hữu → sống theo lời giảng → viết sách Phúc Âm

Cách hình thành này tương tự như cách hình thành nhiều sách trong Cựu Ước. Ví dụ, sách Xuất Hành ghi lại biến cố vượt qua Biển Đỏ (Xh 14), nhưng biến cố này được tưởng niệm hằng năm trong lễ Vượt Qua trước khi được viết thành bản văn. Truyền thống phụng vụ đi trước bản văn.

Do đó, chữ "truyền khẩu" vừa là việc Giáo Hội thực hành lệnh truyền của Chúa Giêsu, vừa là một giả thuyết khoa học, nên cần phân biệt rõ ràng. Chữ này có thể được hiểu theo ít nhất bốn nghĩa: ba nghĩa (a,c,d) là phát xuất từ Chúa Giêsu, chỉ có nghĩa (b) vừa phát xuất từ Chúa Giêsu, vừa là giả thuyết của các nhà khoa học Thánh Kinh về việc hình thành các bản văn Phúc Âm.

a. Trong bối cảnh là một LỆNH TRUYỀN của Chúa Giêsu, truyền khẩu là chính lời rao giảng của các Tông Đồ.

Thánh Phaolô viết: "Điều tôi đã lãnh nhận từ nơi Chúa, tôi truyền lại cho anh em…" (1 Cr 11,23). Câu này cho thấy truyền khẩu là yếu tố căn bản trong Giáo Hội sơ khai.

b. "Truyền khẩu" từ giai đoạn cuối của các tín hữu thế hệ thứ nhất sang các tín hữu đầu thế hệ thứ hai để Phúc Âm được viết xuống thành bản văn nhằm bảo tồn Đức Tin và ký ức. Đây là thời điểm có thể áp dụng chữ 'truyền khẩu' của các nhà khoa học Thánh Kinh. Tổng cộng thời gian này khoảng 50 năm. Chữ 'truyền khẩu' là lệnh truyền của Chúa Giêsu thì rõ ràng, nhưng thuật ngữ 'truyền khẩu' của các nhà khoa học Thánh Kinh thì chỉ là giả thuyết, không có định nghĩa rõ ràng. Ví dụ các nhà khoa học Thánh Kinh không giải thích được (1) tại sao giai đoạn này 'truyền khẩu' hình thành nên các bản văn Phúc Âm mà trước kia không có, mà sau này cũng không, (2) tại sao có những bản văn được công nhận và có những bản văn không được công nhận, (3) tại sao giai đoạn này chấm dứt chứ không kéo dài, v.v...

c. Cách viết các sách Phúc Âm cho thấy những bản văn không được viết xuống để đọc riêng lẻ, mà để tiếp tục "truyền khẩu" trong phụng vụ. Các đoạn văn ngắn, dễ đọc, dễ nghe, dễ nhớ. Nhiều câu được lặp lại. Nhiều dụ ngôn có cấu trúc đơn giản.

Ngày nay, trong phụng vụ, Phúc Âm vẫn được công bố long trọng. Tín hữu đứng lên lắng nghe. Điều này gợi lại cảnh Chúa Giêsu đọc sách Isaia trong hội đường: "Người đứng lên đọc sách… rồi Người bắt đầu nói với họ" (Lc 4,16-21). Phúc Âm được công bố như lời sống động.

d. Trong thực tế, số người tự mình nghiên cứu trực tiếp các bản văn Phúc Âm rồi đi đến đức tin vào Chúa Giêsu có lẽ không nhiều. Phần lớn tín hữu tiếp cận đức tin qua đời sống của cộng đoàn: trong gia đình, giáo xứ, nhóm bạn, hoặc qua việc lắng nghe lời giảng dạy và chứng tá của những người đã tin trước họ. Đức tin vì thế không chỉ đến từ việc đọc một bản văn, nhưng còn được truyền đạt qua lời nói, qua đời sống, qua cách cầu nguyện và thực hành hằng ngày.

Điều này cho thấy truyền khẩu không chỉ thuộc về thời Giáo Hội sơ khai, nhưng vẫn tiếp tục trong mọi thời đại. Các bản văn Phúc Âm giữ vai trò nền tảng và chuẩn mực, nhưng chúng không thay thế được việc chia sẻ sống động trong cộng đoàn. Chính khi được đọc, được giảng giải, được suy niệm chung và được sống trong đời thường, Phúc Âm mới thực sự trở thành lời sống động. Vì thế, bản văn và truyền

khẩu không đối lập nhau, nhưng bổ túc cho nhau: bản văn bảo tồn nội dung đức tin, còn cộng đoàn làm cho nội dung ấy trở nên sống động và được tiếp nối qua các thế hệ.

3. **Bốn Phúc Âm được viết bằng tiếng Hy Lạp, thứ ngôn ngữ mà chỉ giới trí thức mới am tường.**

Không rõ ý kiến này muốn nói đến thời các bản văn Phúc Âm ra đời hay là thời nay; có lẽ người nói câu này đã bị 'lạc lối' trong thế giới học thuật rồi chăng?

* Nếu nói về thời các bản văn Phúc Âm ra đời thì đó là một nhận định thiếu chính xác về lịch sử. Các Phúc Âm được viết cách nay gần 2000 năm tại vùng Cận Đông, nơi tiếng Hy Lạp Koine là ngôn ngữ phổ biến để giao tiếp và trao đổi rộng rãi. Vì thế, việc viết bằng tiếng Hy Lạp là điều tự nhiên nhằm giúp sứ điệp được phổ biến rộng rãi; nếu không viết bằng ngôn ngữ chung ấy thì còn viết bằng ngôn ngữ nào khác?

* Nếu nói về thời nay thì lập luận này lại càng không hợp lý. Các tác giả nhân loại thời đó không thể biết trước rằng sau 2000 năm tiếng Hy Lạp sẽ không còn là ngôn ngữ phổ thông. Họ không thể viết trước, bằng các ngôn ngữ phổ thông ngày nay như tiếng Anh chẳng hạn, cho độc giả của thế kỷ XXI, rồi "cất giữ" các bản văn để chờ hậu thế khám phá. Các Phúc Âm được viết cho những cộng đoàn cụ thể của thời bấy giờ, bằng ngôn ngữ thông dụng nhất để họ có thể đọc và hiểu.

Do đó, câu: "Bốn Phúc Âm được viết bằng tiếng Hy Lạp, thứ ngôn ngữ mà chỉ giới trí thức mới am tường" cần được hiểu trong bối cảnh lịch sử. Tiếng Hy Lạp Koine vào thế kỷ thứ nhất là ngôn ngữ phổ thông trong nhiều vùng thuộc Đế quốc La Mã. Nó giống như tiếng Anh trong thế giới ngày nay.

Tiếng Hy Lạp Koine là ngôn ngữ thương mại và hành chính. Nhiều người bình dân có thể hiểu. Do đó, việc viết Phúc Âm bằng tiếng Hy Lạp giúp truyền bá rộng rãi.

Ngoài ra, bản Bảy Mươi (LXX) đã dịch Cựu Ước sang tiếng Hy Lạp trước đó. Điều này cho thấy cộng đồng Do Thái đã quen với tiếng Hy Lạp.

Tin Mừng Gioan ghi lại tấm bảng treo trên thập giá được viết bằng ba thứ tiếng: "Do Thái, La Tinh và Hy Lạp" (Ga 19,20). Điều này cho thấy tiếng Hy Lạp là ngôn ngữ phổ biến. Không chỉ giới trí thức mới hiểu.

Ai biết lịch sử một chút thì cũng biết rằng Flavius Josephus (37-100) ban đầu viết tác phẩm của ông ta bằng tiếng Aram, nhưng chỉ được ít người biết đến. Sau ông viết bằng tiếng Hy Lạp để các tác phẩm của ông được phổ biến rộng rãi hơn.

Xem: https://en.wikipedia.org/wiki/Josephus

Nếu nói rằng ngày nay ít người biết tiếng Hy Lạp cổ thì điều đó đúng. Tuy nhiên, các bản văn đã được dịch sang nhiều ngôn ngữ. Ngày lễ Ngũ Tuần cho thấy Tin Mừng được loan báo bằng nhiều tiếng: "Mỗi người đều nghe các ông nói tiếng bản xứ của mình" (Cv 2,6).

Nếu xem https://en.wikipedia.org/wiki/Bible_translations thì sẽ thấy thông tin là Kinh Thánh Kitô giáo đã được dịch sang nhiều ngôn ngữ. Có thống kê cho rằng, tính đến

tháng 8 năm 2025, toàn bộ Kinh Thánh Tân & Cựu Ước đã được dịch sang 776 ngôn ngữ; Tân Ước đã được dịch thêm sang 1.798 ngôn ngữ khác; và những phần nhỏ hơn của Kinh Thánh đã được dịch sang 1.433 ngôn ngữ khác nữa. Như vậy, ít nhất một phần của Kinh Thánh đã được dịch sang 4.007 ngôn ngữ, trong tổng số 7.396 ngôn ngữ được biết đến (bao gồm cả ngôn ngữ ký hiệu). Tất nhiên, con số các ngôn ngữ mà Thánh Kinh dược dịch ra vẫn tiếp tục tăng theo thời gian.

a.Nhờ việc Thánh Kinh, đặc biệt là Phúc Âm, đã được dịch sang nhiều ngôn ngữ nên việc đọc và hiểu sứ điệp của Thánh Kinh đã khá phổ biến. Tuy nhiên, việc dịch này chỉ GIÚP, chứ KHÔNG QUYẾT ĐỊNH việc rao giảng Phúc Âm. Dù có bản dịch hay không, việc 'truyền khẩu' vẫn là phương cách chính yếu. Điều này được chứng minh qua việc trước khi có bản văn Phúc Âm, tại nhiều nơi không có bản dịch (vd Việt Nam từ thế kỷ XIX trở về trước), và hiện nay còn nhiều dân tộc chưa có chữ viết chứ đừng nói đến bản dịch, mà Đức Tin vẫn được rao truyền và phát triển.

b.Còn ai muốn đọc bản văn Thánh Kinh bằng nguyên ngữ thì tùy theo phần nào muốn nghiên cứu mà học thứ tiếng mà bản văn đó được viết. Ví dụ muốn nghiên cứu các bản văn Cựu Ước thì học tiếng Hebrew, Aram, còn các bản văn Phúc Âm thì học tiếng Hy Lạp Koine. Riêng các bản văn của Mácô thì ngoài tiếng Hy Lạp Koine, một số kiến thức cơ bản về tiếng Hebrew và Palestinian Aram cũng hữu ích để hiểu một số câu chữ trong bản văn Phúc Âm như Talitha koum, Ephphatha, Abba, Eloi/Eli lama sabachthani, v.v.... Còn bản văn của Luca (Phúc Âm và Tông Đồ Công Vụ), vì được viết khá văn chương, lại ảnh hưởng của lối văn của bản Septuagint (LXX), nên những ai muốn đào sâu thêm nên học thêm cú pháp (syntax) nâng cao và nắm vững văn phong Hy Lạp.

Việc đọc những bản văn Phúc Âm bằng nguyên ngữ có thể giúp hiểu thêm Phúc Âm theo cách học thuật, tương tự như biết tiếng Hán sẽ hiểu tiếng Việt sâu hơn. Nghĩ một cách đơn giản, số giáo dân trung bình đi học tiếng Hy Lạp để đọc Phúc Âm có lẽ không nhiều. Nói chung, việc học cổ ngữ Hy Lạp Koine mất khá nhiều thời gian và công sức, nên người cất công đi học thường là những người có nhiệm vụ dạy Phúc Âm (Thánh Kinh) trong các chủng viện, đại học, hay viết sách chuyên khảo.

4. Nhân cách và hành động của Đức Kitô trong Phúc Âm Gioan khác hẳn với các Phúc Âm Nhất Lãm.

-Trong Phúc Âm: Xin trích câu mở đầu của Phúc Âm Máthêu – tiêu biểu cho các Phúc Âm Nhất Lãm:

Máthêu 1,1: "Đây là gia phả Đức Giêsu Kitô, con cháu vua Đavít, con cháu tổ phụ Ápraham."

Và những câu mở đầu của Phúc Âm Gioan:

Gioan 1,1.3: "Lúc khởi đầu đã có Ngôi Lời… và Ngôi Lời là Thiên Chúa… Nhờ Ngôi Lời, vạn vật được tạo thành, và không có Người thì chẳng có gì được tạo thành."

Những lời mở đầu này cho thấy hai góc nhìn khác nhau về Đức Giêsu Kitô:

+ Mátthêu (cũng như Máccô và Luca – các Phúc Âm Nhất Lãm) nhấn mạnh **nhân tính của Chúa Giêsu**. Ngài được trình bày như Đấng sinh ra trong dòng dõi loài người, thuộc lịch sử dân tộc Israel.

+ Gioan nhấn mạnh **thiên tính của Chúa Giêsu**. Ngài là Ngôi Lời, là Thiên Chúa, là Đấng tạo thành vạn vật.

Nói một cách đơn giản, tất cả bốn Phúc Âm đều trình bày về một Đức Giêsu, nhưng các Phúc Âm Nhất Lãm đi từ **nhân tính đến thiên tính**, còn Phúc Âm Gioan đi từ **thiên tính đến nhân tính**. Hai hướng trình bày ngược nhau, nên kết quả là việc các bản văn mô tả về nhân cách của Chúa Giêsu sẽ khác nhau.

-Ngoài Phúc Âm: Giả sử có một nhóm sinh viên từng học với một vị giáo sư tài ba trước năm 1975. Sau khi ông qua đời, một số người đã viết sách về thầy mình, ghi lại nhiều chi tiết cụ thể như quê quán, gia đình, nơi sinh, quá trình hoạt động…

Khoảng năm 2000, một số học trò di cư sang một quốc gia khác sinh sống, mang theo tinh thần và ảnh hưởng từ vị thầy khả kính. Sau nhiều thập niên, họ nhận thấy những lời dạy của ông vẫn còn tác động sâu rộng đến các môn sinh. Vì vậy, họ quyết định viết một cuốn sách mới về thầy mình, khác với các sách trước đó. Thay vì tập trung vào dữ kiện tiểu sử, họ suy niệm về tài năng, đức độ và những yếu tố làm nên tầm vóc của vị thầy.

Như vậy, các sách viết trước năm 1975 chủ yếu thiên về thông tin cụ thể, còn cuốn sách ở hải ngoại năm 2000 lại nhấn mạnh tâm tình, nhân cách và ảnh hưởng tinh thần. Hai cách mô tả này khó có thể giống nhau. Nếu chỉ lặp lại nội dung cũ thì không cần viết sách mới, chỉ cần in lại các sách trước; nhưng khi góc nhìn và mục đích khác nhau, việc viết một cuốn sách mới là điều có ý nghĩa.

I. LÝ DO PHÚC ÂM GIOAN TRÌNH BÀY ĐỨC GIÊSU KHÁC VỚI NHẤT LÃM

Bốn sách Phúc Âm đều trình bày cùng một Đức Giêsu Kitô, nhưng mỗi tác giả có góc nhìn thần học và mục tiêu mục vụ khác nhau. Vì thế, hình ảnh Đức Kitô trong Phúc Âm Gioan mang sắc thái khác biệt so với các Phúc Âm Nhất Lãm. Những khác biệt này không phải là mâu thuẫn, nhưng phản ánh hoàn cảnh lịch sử và nhu cầu của cộng đoàn Gioan.

1. Phúc Âm Gioan được viết muộn hơn: Phúc Âm Gioan được biên soạn vào cuối thế kỷ I, khi các cộng đoàn Kitô hữu đã suy tư sâu hơn về căn tính của Đức Giêsu sau biến cố Phục Sinh. Trong khi các Phúc Âm Nhất Lãm gần với ký ức lịch sử và lời rao giảng ban đầu, Gioan phản ánh một giai đoạn thần học trưởng thành hơn. Vì thế, tác giả không chỉ thuật lại các hành động của Đức Giêsu mà còn giải thích ý nghĩa thần học của chúng. Đức Giêsu trong Gioan nói những diễn từ dài về chính mình và tự mặc khải căn tính thần linh, vì cộng đoàn đã tuyên xưng Ngài là Ngôi Lời nhập thể.

2. Bối cảnh tranh luận thần học về căn tính Đức Giêsu: Khoảng cuối thế kỷ I và sang thế kỷ II xuất hiện nhiều quan điểm khác nhau về Đức Giêsu: có học thuết coi Ngài chỉ là con người (Adoptionism), học thuyết khác lại phủ nhận Ngài có thân xác

thật (Docetism). Phúc Âm Gioan nhấn mạnh Đức Giêsu vừa là Thiên Chúa vừa là con người thật. Lời mở đầu "Ngôi Lời đã trở nên người phàm" khẳng định rõ hai chiều kích này. Vì thế, Đức Giêsu trong Gioan nói trực tiếp về nguồn gốc thần linh của mình: Ngài đến từ Chúa Cha, hiện hữu từ trước và trở về với Chúa Cha. Cách trình bày này nhằm bảo vệ đức tin của cộng đoàn.

3. Gioan bổ sung cho các Phúc Âm Nhất Lãm: Phúc Âm Gioan không lặp lại nội dung của Nhất Lãm nhưng bổ sung bằng những trình thuật khác: tiệc cưới Cana, Nicôđêmô, người phụ nữ Samaria, Lazarô… Những câu chuyện này mang ý nghĩa biểu tượng sâu sắc. Đức Giêsu trong Gioan không chỉ hành động mà còn giải thích ý nghĩa của hành động. Vì thế, Ngài xuất hiện như Đấng tự mặc khải, giúp người đọc hiểu chiều sâu thần học của sứ vụ.

4. Mục tiêu dẫn người đọc đến Đức Tin: Tác giả Gioan viết: "Những điều này được viết ra để anh em tin rằng Đức Giêsu là Đấng Kitô, Con Thiên Chúa". Vì mục tiêu này, Đức Giêsu trong Gioan nói trực tiếp về bản thân mình qua các lời "Ta là…". Những lời này không chỉ là lời dạy nhưng là lời mời gọi tin vào thiên tính của Đức Giêsu. Cách trình bày này khác với Nhất Lãm, nơi Đức Giêsu thường nói bằng dụ ngôn.

5. Bối cảnh xung đột với hội đường Do Thái: Cộng đoàn Gioan sống trong hoàn cảnh bị tách khỏi Do Thái giáo. Vì thế, Phúc Âm Gioan trình bày Đức Giêsu vượt trên các thiết chế Do Thái như Đền Thờ, Luật Môsê và các lễ hội. Đức Giêsu được giới thiệu như Đền Thờ mới, bánh trường sinh, ánh sáng thế gian. Điều này giúp cộng đoàn hiểu rằng niềm tin vào Đức Giêsu là trung tâm đời sống đức tin.

II. SỰ KHÁC BIỆT TRONG NHÂN CÁCH VÀ HÀNH ĐỘNG CỦA ĐỨC KITÔ

Những lý do trên dẫn đến sự khác biệt rõ rệt giữa Đức Kitô trong Phúc Âm Gioan và trong các Phúc Âm Nhất Lãm.

1. Khác biệt về nhân cách và cách giảng dạy: Trong Nhất Lãm, Đức Giêsu được trình bày như một vị ngôn sứ gần gũi với dân chúng. Ngài giảng dạy bằng dụ ngôn với hình ảnh đời thường như hạt cải, người gieo giống, người cha nhân hậu. Trong Gioan, Đức Giêsu ít dùng dụ ngôn mà nói những diễn từ dài mang tính thần học sâu sắc. Ngài tự mặc khải qua các lời "Ta là bánh trường sinh", "Ta là ánh sáng thế gian", "Ta là đường, là sự thật và là sự sống". Nhân cách Đức Giêsu trong Gioan vì thế mang tính uy nghi và ý thức rõ nguồn gốc thần linh.

2. Khác biệt về việc mặc khải thiên tính: Trong các Phúc Âm Nhất Lãm, Đức Giêsu thường tránh công khai tuyên bố mình đồng bản tính với Chúa Cha; thậm chí không cho người khác công bố căn tính của mình. Ngài thường chỉ nói các kín đáo để các môn đệ dần dần khám phá căn tính của Ngài. Trái lại, trong Phúc Âm Gioan, Đức Giêsu nói trực tiếp: "Ta và Chúa Cha là một", "Ai thấy Ta là thấy Chúa Cha". Ngay từ đầu Phúc Âm, Đức Giêsu đã được giới thiệu là Ngôi Lời Thiên Chúa. Điều này làm nổi bật thiên tính của Ngài.

3. Khác biệt trong các phép lạ và hành động: Trong các Phúc Âm Nhất Lãm, Đức Giêsu thực hiện nhiều phép lạ nhằm biểu lộ lòng thương xót: chữa bệnh, trừ quỷ,

hóa bánh ra nhiều. Trong Phúc Âm Gioan, các phép lạ được gọi là “dấu lạ” và mang ý nghĩa biểu tượng. Sau mỗi dấu lạ, Đức Giêsu giải thích ý nghĩa thần học của hành động. Ví dụ, sau phép lạ bánh hóa nhiều, Ngài khẳng định mình là bánh trường sinh. Vì thế, hành động của Đức Giêsu trong Gioan gắn liền với việc mặc khải thiên tính.

4. Khác biệt trong cuộc khổ nạn: Trong các Phúc Âm Nhất Lãm, Đức Giêsu đau khổ và lo âu trong vườn Cây Dầu, cho thấy nhân tính rất rõ. Trong Phúc Âm Gioan, Đức Giêsu bước vào cuộc khổ nạn với sự chủ động. Ngài tự trao nộp mình và tuyên bố “Mọi sự đã hoàn tất”. Cuộc khổ nạn được trình bày như giờ tôn vinh của Đức Giêsu.

5. Khác biệt về chủ đề thần học: Trong các Phúc Âm Nhất Lãm, chủ đề trung tâm là Nước Thiên Chúa. Đức Giêsu kêu gọi hoán cải để đón nhận Nước ấy. Trong Phúc Âm Gioan, chủ đề là sự sống đời đời và niềm tin vào Con Thiên Chúa. Đức Giêsu không chỉ loan báo Nước Thiên Chúa mà chính Ngài là nguồn sự sống.

III. Ý NGHĨA THẦN HỌC VÀ PHỤNG VỤ

Sự khác biệt giữa Phúc Âm Gioan và các Phúc Âm Nhất Lãm không làm giảm giá trị của nhau, nhưng bổ sung cho nhau.

1.Trong Phụng Vụ: Các Phúc Âm Nhất Lãm giúp ta thấy Đức Giêsu gần gũi với con người, rao giảng Nước Thiên Chúa và chia sẻ thân phận nhân loại. Phúc Âm Gioan giúp ta chiêm ngắm chiều sâu thần linh của Đức Kitô, Đấng đến từ Chúa Cha và ban sự sống đời đời.

Chính vì thế, Phúc Âm Gioan có vị trí đặc biệt trong phụng vụ của Giáo Hội. Các Phúc Âm Nhất Lãm thường được đọc trong mùa Vọng, mùa Chay và mùa Thường Niên để suy niệm về đời sống lịch sử của Đức Giêsu. Phúc Âm Gioan được đọc nhiều trong mùa Phục Sinh nhằm giúp tín hữu đi sâu vào mầu nhiệm thiên tính của Đức Kitô phục sinh.

Tóm lại, Đức Kitô trong các Phúc Âm Nhất Lãm được trình bày như vị ngôn sứ gần gũi, rao giảng Nước Thiên Chúa và thể hiện rõ nhân tính. Đức Kitô trong Phúc Âm Gioan được trình bày như Ngôi Lời nhập thể, tự mặc khải thần linh và ban sự sống đời đời. Hai cách trình bày này bổ sung cho nhau, giúp người đọc có cái nhìn toàn diện hơn về nhân cách và hành động của Đức Giêsu Kitô.

Điều này không phải là mâu thuẫn, mà là bổ túc. Giống như bốn họa sĩ vẽ cùng một người, mỗi người nhấn mạnh một góc nhìn khác nhau.

2. Ý nghĩa thần học về biểu tượng của bốn Phúc Âm bắt nguồn từ Kinh Thánh: Bốn Phúc Âm cũng được truyền thống Kitô giáo biểu tượng hóa bằng bốn sinh vật. Những biểu tượng này dựa trên thị kiến của ngôn sứ Êđêkien: “Tôi thấy… bốn sinh vật… mặt người, mặt sư tử, mặt bò, mặt đại bàng” (Ed 1,5-10). Sách Khải Huyền cũng nhắc lại: “Sinh vật thứ nhất giống sư tử, sinh vật thứ hai giống bò, sinh vật thứ ba có mặt như người, sinh vật thứ tư giống đại bàng đang bay” (Kh 4,7).

Từ rất sớm, các Giáo phụ đã áp dụng bốn hình ảnh này cho bốn thánh sử:

– Thánh Mátthêu được biểu tượng bằng hình người, hay thiên thần mang khuôn mặt người, vì Phúc Âm của ngài mở đầu bằng gia phả Đức Giêsu (Mt 1,1). Khởi đầu này nhấn mạnh mầu nhiệm nhập thể, Đức Kitô thật sự làm người và đi vào lịch sử nhân loại, thuộc dòng dõi Abraham.

– Thánh Mácô được biểu tượng bằng hình sư tử, vì Phúc Âm của ngài mở đầu bằng "tiếng kêu trong hoang địa" (Mc 1,3), gợi lên âm vang mạnh mẽ như tiếng sư tử gầm giữa sa mạc. Hình ảnh sư tử vì thế diễn tả sức mạnh và uy quyền. Hơn nữa, trong trình thuật Chúa chịu cám dỗ, Mácô còn ghi rằng Đức Giêsu "ở giữa những dã thú" (Mc 1,13), qua đó cho thấy Người làm chủ muôn loài và là chủ tể của toàn thể thế giới.

– Thánh Luca được biểu tượng bằng bò hoặc bê, con vật dùng trong hy tế. Phúc Âm của ngài bắt đầu với việc dâng hương trong Đền Thờ (Lc 1,9), nhấn mạnh khía cạnh tư tế và hy tế của Đức Kitô.

– Thánh Gioan được biểu tượng bằng đại bàng, vì thần học của ngài bay cao trong chiêm niệm. Phúc Âm của ngài mở đầu bằng mầu nhiệm Ngôi Lời từ thuở đời đời (Ga 1,1).

Các biểu tượng này không chỉ là hình ảnh nghệ thuật, mà còn là cách diễn tả thần học. Chúng cho thấy bốn góc nhìn khác nhau về cùng một Đức Kitô: con người, vua, tư tế, và Thiên Chúa.

Kết luận: Giáo Hội không rao giảng một cuốn sách như một đối tượng thuần túy học thuật, nhưng rao giảng chính Đức Kitô mà các Phúc Âm làm chứng. Những vấn đề về tính vô danh của tác giả, tiến trình truyền khẩu, ngôn ngữ Hy Lạp hay sự khác biệt văn chương giữa Gioan và các Phúc Âm nhất lãm có giá trị trong lãnh vực nghiên cứu, nhưng không phải là trung tâm của lời loan báo Đức Tin.

Sách Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo, số 108, viết: "Đức tin Kitô giáo không phải là 'tôn giáo của sách'. Kitô giáo là tôn giáo của 'Ngôi Lời' Thiên Chúa, 'không phải là lời được viết ra và câm lặng, nhưng là Ngôi Lời nhập thể và sống động'. Nếu Kinh Thánh không trở thành chữ chết, thì Đức Kitô, Ngôi Lời vĩnh cửu của Thiên Chúa hằng sống, nhờ Chúa Thánh Thần, phải 'mở trí chúng ta để hiểu Kinh Thánh'."

Câu này nhấn mạnh rằng: Kitô giáo không đặt trọng tâm nơi một cuốn sách, nhưng nơi chính Đức Kitô – Ngôi Lời sống động mà Kinh Thánh làm chứng.

Như thánh Phaolô viết: "Người Do Thái đòi dấu lạ, người Hy Lạp tìm sự khôn ngoan; còn chúng tôi, chúng tôi rao giảng Đức Kitô chịu đóng đinh … nhưng đối với những ai được Thiên Chúa kêu gọi … Đức Kitô là sức mạnh và sự khôn ngoan của Thiên Chúa" (1 Cr 1, 22-24).

Do đó, cần phân biệt rằng 'sự khôn ngoan' trong việc nghiên cứu sự hình thành, cấu trúc, ngôn ngữ hay những khác biệt văn chương của các bản văn Phúc Âm thuộc lãnh vực của các học giả Thánh Kinh. Những công trình này giúp hiểu rõ bối cảnh và tiến trình biên soạn, nhưng không phải là trọng tâm của việc rao giảng đức tin. Bổn phận của Giáo Hội là chuyển trao sứ điệp Phúc Âm, tức là chính Đức Kitô được các bản văn làm chứng. Vì thế, đọc Phúc Âm là gặp gỡ Đức Kitô sống động; lắng nghe

Phúc Âm là đón nhận chính Người. Tất cả những gì không quy hướng về Đức Kitô không phải là nội dung cốt lõi của lời rao giảng, bởi trung tâm của đời sống và sứ vụ Giáo Hội luôn là Đức Kitô — sức mạnh và sự khôn ngoan của Thiên Chúа.